

Bản án số: 53/2020/DS-PT
Ngày : 07 - 5 - 2020
V/v Đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán:

ông Lâm Văn Năm

bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Thị Mỹ Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: ông Nguyễn Văn Bé Tư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLPT – DS ngày 07 tháng 01 năm 2020, về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện To bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2020/QĐPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Phương T; địa chỉ: ấp M, xã T, huyện To, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện đang sinh sống tại: quận Mie, thành phố Đài Bắc mới, Đài Loan.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Phương T: ông Võ T V; địa chỉ: thị trấn To, huyện To, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 27/11/2018 (có mặt).

Bị đơn: bà Nguyễn Thị S; địa chỉ: ấp C, xã T, huyện To, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị S: bà Lê Thị Ngọc Th; địa chỉ: Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 10/01/2020 (có mặt).

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện To; địa chỉ trụ sở: khu 4, thị trấn To, huyện To, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trương Thế T – Chức vụ Chủ tịch (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2018 và bản tự khai cùng ngày nguyên đơn Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Chị T thường xuyên sinh sống ở nước ngoài (Đài Loan) nhưng vẫn còn quốc tịch Việt Nam. Trước đây chị có quen thân với bà Nguyễn Thị S nên nhờ bà S mua hộ chị phần đất tại xã T, huyện To, tỉnh Vĩnh Long để xây dựng nhà nhằm mục đích mỗi khi về Việt Nam có chỗ để ở. Từ năm 2013 đến năm 2015 chị nhiều lần gửi tiền về nhờ bà S mua đất, cất nhà và mua đồ dùng sinh hoạt trong nhà như sau:

- + Lần thứ 1: Ngày 23/9/2013 gửi 1.000USD
- + Lần thứ 2: Ngày 04/10/2013 gửi 2.000USD
- + Lần thứ 3: Ngày 29/10/2013 gửi 1.000USD
- + Lần thứ 4: Ngày 08/11/2013 gửi 2.000USD
- + Lần thứ 5: Ngày 09/6/2013 gửi 6.000USD
- + Lần thứ 6: Ngày 12/5/2015 gửi 5.000USD

Tổng cộng 06 lần bằng 17.000USD quy thành tiền là 374.000.000đồng.

Trong thời gian xây nhà, chị T về nước đến nơi trông coi cùng bà S và có gửi thêm tiền cho bà Nguyễn Thị T chị ruột bà S, địa chỉ xã T, huyện To, tỉnh Vĩnh Long 100.000.000 đồng (tiền Việt Nam) để giao lại bà S trả tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu.

Khi xây nhà xong chị T còn mua sắm đồ dùng trong nhà, trang trí nội thất với số tiền 100.000.000 đồng (tiền Việt Nam). Cũng trong thời gian này chị gửi tiền mặt cho bà S mua 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius và 01 chiếc xe mô tô hiệu Futureneo để chị có phương tiện đi lại khi về Việt Nam. Ngoài ra bà S có nhờ chị mua dùm 01 sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 18k, 01 chiếc nhẫn 03 chỉ vàng 24k và 01 lắc tay 08 chỉ vàng 24k.

Năm 2017 chị T còn gửi bà S giữ 4.500USD tương đương 99.000.000đồng, sau đó đến khoảng tháng 6 năm 2018 chị có nhờ bà S đưa lại chị Nguyễn Thị H, địa chỉ thị trấn To, huyện To, tỉnh Vĩnh Long mượn 1.000USD, còn lại 3.500USD bà S vẫn giữ.

Vì bận công việc làm ăn ở nước ngoài nên chị nhờ bà S đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý, trông coi nhà cửa, tài sản, tháng 11

năm 2018 chị phát hiện bà S có ý định chuyển nhượng nhà và đất cho người khác.

Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu bà S trả lại căn nhà cấp 4 gắn liền phần đất thửa A, tờ bản đồ số 30, diện tích 97,4m², tọa lạc tại xã T, huyện To, tỉnh Vĩnh Long; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa A nêu trên do Ủy ban nhân dân huyện To cấp cho bà Nguyễn Thị S ngày 20/11/2014; yêu cầu bà S trả lại chị T 3.500USD tương đương 77.000.000 đồng (tiền Việt Nam) và 01 chiếc lắc đeo tay vàng 24k trọng lượng 08 chỉ. Còn lại tất cả các tài sản khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn rút một phần và thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

- Rút yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa A, tờ bản đồ số 30, diện tích 97,4m², tọa lạc tại xã T, huyện To, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân huyện To cấp ngày 20/11/2014 cho bà Nguyễn Thị S.

- Thay đổi yêu cầu khởi kiện: Chị T không đòi bà S trả lại nhà đất mà yêu cầu bà S trả lại chị số tiền chị gửi về để mua đất cất nhà là 17.000USD và yêu cầu bà S trả lại 08 chỉ vàng 24k cùng số tiền 4.500USD chị nhờ bà S giữ hộ.

* Tại biên bản hòa giải ngày 19/7/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị S trình bày:

Bà S không thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, không chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Đối với văn bản xác nhận của Ngân hàng là chưa đủ cơ sở xác định bà S có nhận của chị T 17.000USD. Đối với số tiền nguyên đơn cho rằng bà S giữ 4.500USD là không có căn cứ, do lời khai của những người làm chứng là chị H và chị Tr có mâu thuẫn với nhau, việc chứng minh bà S có nhận tiền là nghĩa vụ của nguyên đơn. Đối với 08 chỉ vàng 24k bà T và anh U thấy bà S đeo và nghe chị T nói lại chứ không biết trọng lượng hay thấy chị T giao cho bà S. Bà S xác định nhà, đất và tất cả các tài sản, vật dụng trong nhà là tài sản của bà S nên yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ủy ban nhân dân huyện To có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/4/2019 và trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 11/4/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện To thì phần đất tranh chấp thuộc thửa A, tờ bản đồ số 30, diện tích 97,4m², tọa lạc tại ấp xã T, huyện To, tỉnh Vĩnh Long hiện bà S đang quản lý, sử dụng.

Các đương sự thống nhất: Giá đất tranh chấp tại thời điểm xét xử sơ thẩm bằng 1.500.000 đồng/m² như vậy giá trị thửa đất 97,4m² bằng 146.100.000 đồng, giá trị

căn nhà và vật kiến trúc trên đất bằng 195.026.000 đồng, tổng giá trị nhà và đất bằng 341.126.000 đồng, giá ngoại tệ 1USD quy đổi bằng 22.000 đồng (tiền Việt Nam).

Tại bản án sơ thẩm số: 43/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện To, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BV, số vào sổ cấp GCN: CH thuộc thửa A, tờ bản đồ số 30, diện tích 97,4m², tọa lạc tại xã T, huyện To, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân huyện To cấp ngày 20/11/2014 cho bà Nguyễn Thị S.

2. Buộc bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả chị Nguyễn Thị Phương T 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) trong đó gồm: 17.000USD tiền mua đất cất nhà quy đổi bằng 374.000.000 đồng và 3.000USD tiền gửi bà S giữ hộ quy đổi bằng 66.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27 tháng 11 năm 2019, bà S có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện To xét xử lại, với lý do: Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, về nội dung phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc bà S trả cho chị T 440.000.000 đồng là không khách quan, không đúng với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo Nguyễn Thị S thay đổi yêu cầu kháng cáo, đối với số tiền gửi về mua đất, cất nhà bà S chỉ đồng ý trả lại chị T 11.000 USD, còn lại 6.000 USD không đồng ý trả vì cho rằng số tiền này chị T cho bà và cả hai cùng nhau tiêu xài hết, đối với số tiền 3.000USD chị T cho rằng gửi bà giữ hộ là không có, bà không đồng ý trả cho chị T khoản tiền này.

Người đại diện hợp pháp của chị T đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Totuyên án sơ thẩm, ngày 27 tháng 11 năm 2019 bà Nguyễn Thị S nộp đơn kháng cáo là còn trong hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

2.1. Thời điểm từ 23/9/2013 đến 12/5/2015, bà S 06 lần đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long phòng giao dịch huyện To nhận tổng số tiền 17.000USD do chị T ở Đài Loan gửi về là có thật, điều này đã được bà S thừa nhận và Ngân hàng xác nhận.

Trong khoản thời gian chị T gửi tiền về, thì vào ngày 28/8/2014 bà S có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số A của bà Bùi Thị Mỹ N, qua năm 2015 thì tiến hành cất nhà.

Theo lời trình bày của ông Từ Văn U thầu xây dựng căn nhà, trong quá trình thi công bà S có nói khi nào lấy tiền công thợ báo cho bà biết trước vài ngày để bà đi đổi tiền Đô la ra tiền Việt Nam trả cho ông, 02 đợt đầu bà S là người trả tiền, đợt sau cùng chị T đứng ra trả. Ngoài ra chị Mai Thị Tố Tr là người từng sống chung với bà S trong căn nhà tại ấp C nêu trên và chị Huỳnh Thị Thu T người ở nhà đối diện đều trình bày mỗi khi chị T về nước là sống chung với bà S tại căn nhà này.

Bà S thừa nhận chị T có gửi tiền về mua đất, cất nhà nhưng cho rằng trong tổng số tiền 17.000USD thì chỉ có 11.000USD là mua đất cất nhà, còn lại 6.000USD chị T tặng cho bà, sau đó mỗi khi chị T về nước thì cùng bà đi du lịch và tiêu xài hết, song bà S không xuất trình được chứng cứ để chứng minh việc chị T tặng cho bà S số tiền này, ngoài ra bà S cũng không chứng minh được nguồn tiền dùng mua đất cất nhà là của bà S bỏ ra một phần.

Do đó, có đủ cơ sở xác định nguồn tiền bà S mua đất, cất nhà là của chị T gửi về, việc chị T đòi bà S trả lại số tiền này là có căn cứ, phù hợp Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005, án sơ thẩm buộc bà S trả lại số tiền này cho chị T là phù hợp pháp luật.

Xét kháng cáo của bà S chỉ đồng ý trả lại cho chị T 11.000USD là không có căn cứ chấp nhận.

2.2. Đối với việc chị T đòi bà S trả lại 3.000USD nhờ giữ hộ.

Xét thấy:

Chị T không xuất trình được chứng cứ về việc gửi tiền từ nước ngoài về hoặc giao tiền trực tiếp cho bà S.

Người làm chứng Nguyễn Thị H (em dâu của chị T) trình bày: vào ngày 13/6/2018 chị có đến nhà bà S nhận số tiền 1.000USD do chị T cho mượn và nghe bà S nói chị T có gửi bà S giữ hộ 4.500USD, từ đó suy ra bà S còn giữ hộ chị T 3.500USD. Lời trình bày này không có căn cứ chấp nhận, bởi chị H cũng như chị T đều không chứng minh được việc bà S có giao cho chị H mượn số tiền 1.000USD.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày của chị H để xác định bà S có giữ tiền hộ chị T và căn cứ lời trình bày của chị Mai Thị Tố Tr cho rằng chị Tr biết bà S giữ hộ chị T 4.000USD, từ đó xử buộc bà S trả lại cho chị T 3.000USD là không có căn cứ pháp luật, vì chị T là người đưa ra yêu cầu nhưng không giao nộp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, xét kháng cáo của bà S không đồng ý trả cho chị T 3.000USD là có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, án sơ thẩm nhận định không chấp nhận yêu cầu của chị T đòi bà S trả 08 chỉ vàng 24k nhưng phần quyết định lại không tuyên là thiếu sót.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Do sửa án sơ thẩm nên bà S không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa bản án sơ thẩm số: 43/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện To, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ: Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận thửa đất số A, tờ bản đồ 30, diện tích 97,4m² tọa lạc tại xã T, huyện To, tỉnh Vĩnh Long và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị S.

2. Buộc bà Nguyễn Thị S trả cho chị Nguyễn Thị Phương T số tiền chị T gửi về mua đất, cất nhà là 17.000USD tương đương 374.000.000 đồng tiền Việt Nam (ba trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương T đòi bà S trả số tiền giữ hộ 3.000USD tương đương 66.000.000 đồng tiền Việt Nam (S mười S triệu đồng) và 08 chỉ vàng 24k.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BV, số vào sổ cấp GCN: CH thuộc thửa A, tờ bản đồ số 30, diện tích 97,4m², tọa lạc tại xã T, huyện To, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân huyện To cấp ngày 20/11/2014 cho bà Nguyễn Thị S.

5. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương T tự nguyện chịu 1.636.500 đồng tiền chi phí định giá. Chị T đã nộp đủ.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Phương T chịu 5.208.000 đồng (năm triệu hai trăm lẻ tám ngàn), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 5.085.000đồng (năm triệu không trăm tám mươi lăm ngàn) theo lai thu số 0015091 ngày 10/01/2019 và 5.917.000đ (năm triệu chín trăm mười bảy ngàn) theo lai thu số 0015731 ngày 12/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện To. Chị Nguyễn Thị Phương T được hoàn lại 5.794.000 đồng (năm triệu bảy trăm chín mươi bốn ngàn)

Buộc bà Nguyễn Thị S chịu 18.700.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm ngàn đồng)

6. Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị S không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị S 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nộp ngày 28/11/2019 theo biên lai thu số 0015747 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện To.

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ Nghiệp vụ TAND tỉnh VL;
- TAND huyện To;
- Chi cục THADS huyện To;
- Đường sự: Lưu hồ sơ vụ án

Nguyễn Thị Kim Chi